

Số: 03 /2025/QĐST- DS

Điện Biên, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Ngô Phúc T, sinh năm 1974 và bà Lù Thị V, sinh năm 1982. Trú tại số nhà 22, đường số 4, tổ 5, phường Noong Bua, thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường M), tỉnh Đ. Chỗ ở hiện tại: Số nhà 108, ngõ 342, tổ 6 phường M cũ (nay là phường Đ), tỉnh Đ

- **Bị đơn:** Ông Lò Văn T, sinh năm 1978 và bà Lường Thị D, sinh năm 1981: Trú tại: Bản N, phường N, thành Phố Đ, (nay là phường M), tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lường Văn L, sinh năm 1979. Trú tại bản H, Phường H (cũ) nay là phường Đ, tỉnh Đ

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lò Văn T và bà Lường Thị D có trách nhiệm trả cho ông Ngô Phúc T và bà Lù Thị V số tiền **607.525.000đ** (sáu trăm linh bảy triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng), thời hạn và phương thức trả làm 3 lần cụ thể:

Lần 1 trả vào ngày 31/12/2025 là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng)

Lần 2 trả vào ngày 31/3/2026 là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)

Lần 3 trả vào ngày 30/6/2026 số tiền còn lại là 327.525.000đ (ba trăm hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng)

Kể từ ngày bà V và ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T và bà D không tự nguyện thi hành án đối với khoản tiền trên thì ông T và bà D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do

chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

2.2. Về án phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 147/BLTTDS; Khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Vân ông T và ông T bà D mỗi bên đương sự phải chịu: 7.075.250 đồng (bảy triệu không trăm bảy mươi năm nghìn hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà V đã nộp tạm ứng 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo biên lai 0001190 ngày 01/4/2025 bà Vân ông Tuấn được trả lại số tiền 2.924.750đ. Tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Đ)

- Bà Doan và ông Triều chưa nộp chưa nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- Phòng THA khu vực 1- Đ;
- VKSND khu vực 1- Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên